

Bản án số: 524/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2023

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã GT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: TTT, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp B, xã GT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn xin ly hôn ngày 06/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn vào tháng 5/2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn; thường xuyên rượu chè, cờ bạc; chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi. Hiện vợ chồng chị không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Đ chung sống có 03 người con chung gồm Nguyễn

Văn T, sinh ngày xx/xx/xxxx; Nguyễn Hữu D, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hữu N, sinh ngày xx/x/xxxx; hiện các con sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn dù Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày xx/xx/xxxx; Nguyễn Hữu D, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hữu N, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy:

- Chị và anh Đ kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 27/5/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T xác định vợ chồng chị chung sống đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không còn hợp nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc; anh Đ còn rượu chè, cờ bạc, chị không khuyên ngăn được và hiện anh chị đã sống ly thân.

- Qua xác minh được biết, anh Đ và chị T đều hiện đi làm ăn xa, không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Đ nhưng anh không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy anh Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị nên cần chấp nhận

yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị T chung sống có 03 con chung gồm Nguyễn Văn T, sinh ngày xx/xx/xxxx; Nguyễn Hữu D, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hữu N, sinh ngày xx/x/xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung của chị T là có cơ sở chấp nhận; vì các cháu hiện sống cùng chị đã ổn định cuộc sống; cháu Tài và cháu D đều có nguyện vọng theo mẹ; hơn nữa, anh Đ cũng không phản đối. Do đó, việc giao cả 03 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn xác định không có nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

#### **2. Về nuôi con chung:**

- Giao 03 con chung gồm các cháu: Nguyễn Văn T, sinh ngày xx/xx/xxxx; Nguyễn Hữu D, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Hữu N, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

**3. Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029049 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã GT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

*Nguyễn Bích Thiên*